

ĐỀ TÀI KHOA HỌC

SỐ: 2.2.16-CS06

**NGHIÊN CỨU XÁC ĐỊNH MỤC TIÊU, YÊU CẦU VÀ NỘI DUNG
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KẾ TOÁN TRONG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG THỐNG KÊ BẮC NINH**

1. Cấp đề tài : Cơ sở
2. Thời gian nghiên cứu : 2006
3. Đơn vị chủ trì : Trường Cao đẳng Thống kê
4. Đơn vị quản lý : Viện Khoa học Thống kê
5. Chủ nhiệm đề tài : TS. Chu Thế Mưu
6. Những người phối hợp nghiên cứu:

ThS. Nguyễn Văn Chung	CN. Nguyễn Thị Phương
CN. Vũ Mai Hương	CN. Trần Chiến
TS. Nguyễn Bá Triệu	CN. Bạch Văn Thành
ThS. Nguyễn Ngọc Tú	CN. Nguyễn Văn Bảo
CN. Nguyễn Tiến Đông	CN. Ngô Diệu Lý
7. Điểm đánh giá nghiệm thu đề tài: 8,53 / Xếp loại: Khá

PHẦN I

MỤC TIÊU, YÊU CẦU CHUNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KẾ TOÁN TRONG TRƯỜNG CAO ĐẲNG THỐNG KÊ

I. VỊ TRÍ, CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ CỦA TRƯỜNG CAO ĐẲNG THỐNG KÊ

1. Vị trí của Trường Cao đẳng Thống kê

Trường Cao đẳng Thống kê là một trường trực thuộc Tổng cục Thống kê. Tiền thân của nó là Trường Cán bộ Thống kê TW. Do nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực cho sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước cùng với trước nhu cầu được đào tạo của xã hội, căn cứ vào quy hoạch mạng lưới các trường Đại học, Cao đẳng trên cả nước; sau khi được Thủ tướng Chính phủ đồng ý về mặt chủ trương, ngày 23/8/2004 Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ký Quyết định số 4700/QĐ-BGD&ĐT-TCCB thành lập Trường Cao đẳng Thống kê trên cơ sở nâng cấp Trường Cán bộ Thống kê TW thuộc Tổng cục Thống kê. Theo Quyết định này, Trường Cao đẳng Thống kê có chức năng nhiệm vụ đào tạo trình độ cao đẳng và các trình độ thấp hơn đối với 3 lĩnh vực Thống kê, Kế toán và Tin học, nghiên cứu khoa học phục vụ yêu cầu phát triển ngành Thống kê và xã hội; trường hoạt động theo Điều lệ Trường Cao đẳng.

2. Chức năng của Trường Cao đẳng Thống kê

Trường Cao đẳng Thống kê có 2 chức năng đào tạo và nghiên cứu khoa học.

Căn cứ vào chương trình khung của các ngành đào tạo mà Bộ giáo dục Đào tạo cho phép, căn cứ vào chỉ tiêu tuyển sinh và Quy chế đào tạo của Nhà nước tiến hành công tác tuyển sinh, lập kế hoạch đào tạo theo chương trình được duyệt, đảm bảo quy mô hợp lý, không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo, nhằm tạo ra đội ngũ cán bộ chuyên môn nghiệp vụ vững vàng đáp ứng yêu cầu của xã hội, góp phần bổ xung nguồn nhân lực có chất lượng cho ngành và cho nền kinh tế quốc dân.

Trường xuyên có mối liên hệ với thực tiễn quản lý và hoạt động sản xuất xã hội, gắn học với hành; đồng thời, mở rộng mối quan hệ liên kết với các cơ sở sản xuất kinh doanh, với các cơ quan nghiên cứu khoa học, với các cơ sở đào tạo khác trao đổi về các vấn đề học thuật, tiếp thu kinh nghiệm tiên bộ, ứng dụng thành quả nghiên cứu khoa học vào thực tiễn quản lý và sản xuất.

3. Nhiệm vụ của Trường Cao đẳng Thống kê

1. Căn cứ đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước, nhu cầu nguồn nhân lực của ngành và xã hội, xây dựng mục tiêu, chương trình, kế hoạch đào tạo và trực tiếp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ thống kê, kế toán và tin học có

phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; có kiến thức chuyên môn, có khả năng nghiên cứu và thực hành trong lĩnh vực thống kê, kế toán và tin học; có sức khoẻ; có năng lực tổ chức hoạt động thực tiễn.

2. Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; kết hợp đào tạo với nghiên cứu khoa học, ứng dụng khoa học và công nghệ trong hoạt động thống kê và quản lý kinh tế - xã hội theo quy định của Luật Thống kê, Luật Khoa học công nghệ, Luật Giáo dục và các quy định khác của pháp luật.

3. Phát hiện và bồi dưỡng nhân tài trong đội ngũ cán bộ, giảng viên, học sinh, sinh viên của trường.

4. Quản lý giảng viên, cán bộ, nhân viên; xây dựng đội ngũ giảng viên của trường đủ về số lượng, đảm bảo chất lượng, cân đối về cơ cấu và trình độ, cơ cấu ngành nghề, cơ cấu tuổi và giới.

5. Tuyển sinh và quản lý học sinh, sinh viên theo quy chế của Bộ Giáo dục & Đào tạo và các quy định của Tổng cục Thống kê.

6. Phối hợp với các tổ chức, cá nhân và gia đình người học trong các hoạt động giáo dục, đào tạo học sinh, sinh viên.

7. Tổ chức cho giảng viên, cán bộ, nhân viên và học sinh, sinh viên tham gia các hoạt động thực tiễn phù hợp với ngành nghề đào tạo và nhu cầu xã hội.

8. Thực hiện hợp tác quốc tế trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

9. Quản lý, sử dụng đất đai, tài sản, tài chính, trang thiết bị theo quy định của pháp luật.

10. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê.

II. YÊU CẦU CHUNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO KẾ TOÁN ĐẶC ĐIỂM CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐÀO TẠO TRONG TRƯỜNG CAO ĐẲNG THỐNG KÊ

1. Yêu cầu chung của chương trình đào tạo

Khi xây dựng chương trình giáo dục phải đáp ứng 4 yêu cầu cụ thể:

- Phải thể hiện mục tiêu giáo dục trong chương trình.
- Phải đảm bảo tính hiện đại, tính ổn định, tính thống nhất; tạo điều kiện cho sự liên thông chuyển đổi giữa các trình độ đào tạo và hình thức giáo dục.
- Yêu cầu nội dung kiến thức và kỹ năng trong chương trình phải được cụ thể hoá bằng giáo trình và tài liệu học tập giảng dạy.

- Chương trình giáo dục được tổ chức theo năm học hoặc theo hình thức tính lũy tiến chi.

2. Yêu cầu của chương trình đào tạo bậc cao đẳng, đại học

Đào tạo trình độ cao đẳng được thực hiện từ hai đến ba năm tùy theo ngành nghề đào tạo đối với người có bằng tốt nghiệp Trung học phổ thông hay Trung cấp chuyên nghiệp; từ một năm rưỡi đến hai năm đối với người tốt nghiệp Trung cấp chuyên nghiệp cùng chuyên ngành.

Mục tiêu của giáo dục đại học, cao đẳng là đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức có ý thức phục vụ nhân dân có kiến thức và năng lực thực hành nghề nghiệp tương xứng với trình độ đào tạo, có sức khỏe, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Riêng đối với trình độ cao đẳng còn phải giúp cho sinh viên có kiến thức chuyên môn và năng lực thực hành cơ bản để giải quyết những vấn đề thông thường thuộc chuyên ngành đào tạo.

3. Yêu cầu của chương trình đào tạo ngành kế toán trong Trường Cao đẳng Thống kê

a. Kế toán - kiểm toán có thể được xem như ngành đào tạo cấp 3 trong danh mục giáo dục đào tạo; Tuy nhiên theo Quyết định 25 danh mục cấp 1 bao gồm các cấp học, bậc học nên kế toán - kiểm toán cũng có thể coi như ngành đào tạo cấp 2, sau đó sẽ phân chia thành các chuyên ngành cụ thể như: kế toán doanh nghiệp, kế toán ngân sách, kế toán quốc tế, v.v...

b. Chương trình đào tạo kế toán cao đẳng với thời gian đào tạo 3 năm gồm tối thiểu 140 đơn vị học trình (ĐVHT), chưa kể giáo dục thể chất (3 đơn vị học trình) và giáo dục quốc phòng (135 tiết, tương đương 9 đơn vị học trình).

Đối với Trường Cao đẳng Thống kê, trước hết, cần phải căn cứ mục tiêu đào tạo trình độ cao đẳng của trường để xác định mục tiêu, chuyên ngành đào tạo thuộc ngành kế toán. Từ đó, căn cứ vào yêu cầu của chương trình khung nói trên để bổ xung cho các học phần cần thiết.

III. PHƯƠNG PHÁP THIẾT KẾ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KẾ TOÁN TRONG TRƯỜNG CAO ĐẲNG THỐNG KÊ

1. Các quan điểm xuất phát

Ở mục trên chúng ta đã làm rõ những yêu cầu tất yếu khi xây dựng chương trình đào tạo nói chung và trình độ cao đẳng nói riêng. Đối với trường cao đẳng nghiệp vụ quản lý kinh tế khi xây dựng chương trình đào tạo còn có những yêu cầu cụ thể đảm bảo nguồn nhân lực được đào tạo đáp ứng yêu cầu xã hội.

Muốn đạt được điều đó, theo chúng tôi khi xây dựng chương trình đào tạo ngành kế toán của Trường Cao đẳng Thống kê phải căn cứ vào các quan điểm xuất phát chủ yếu sau đây:

- a/ Bám sát mục tiêu đào tạo.
- b/ Phù hợp yêu cầu thực tiễn công tác kế toán.
- c/ Kế thừa nội dung, phương pháp truyền thống và đáp ứng xu thế hiện đại hoá công tác kế toán.
- d/ Khả năng liên thông trong đào tạo giữa các trình độ và tạo điều kiện cho sinh viên có thể học đồng thời 2 chương trình của trường.
- e/ Gắn kết chặt chẽ giữa kế toán với thống kê.

Vì lẽ đó, một trong những quan điểm xuất phát khi xây dựng chương trình kế toán cần gắn kết chặt chẽ với thống kê, gắn trong chương trình đó một thời lượng kiến thức thống kê thoả đáng.

Về vấn đề này, Trường Cao đẳng Thống kê hoàn toàn có thể làm được. Đây cũng là đặc điểm riêng có của sinh viên ngành kế toán được đào tạo trong Trường Cao đẳng Thống kê.

2. Thiết kế chương trình cao đẳng kế toán trong Trường Cao đẳng Thống kê

Một số vấn đề mang tính nguyên tắc khi thiết kế chương trình đào tạo cao đẳng nói chung và cao đẳng kế toán nói riêng của Trường Cao đẳng Thống kê.

- Thứ nhất, phải tuân thủ yêu cầu, kết cấu chương trình khung của Bộ Giáo dục đào tạo.

- Thứ hai, phải vừa đảm bảo yêu cầu khối lượng, nội dung các học phần chủ nghĩa Mác Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh vừa bố trí thích hợp các môn học của nền kinh tế thị trường như: Kinh tế vi mô, Tài chính - Tiền tệ, Quản trị doanh nghiệp.

- Thứ ba, phải ưu tiên kiến thức cốt lõi của tay nghề nhưng cũng dành thời lượng thoả đáng cho các kiến thức bổ trợ nhằm tạo cho sinh viên tính chủ động trong công tác, phát triển nghề nghiệp.

- Thứ tư, chú trọng kỹ năng thực hành. Vì trình độ cao đẳng chủ yếu là thực hành không những thế mà còn có khả năng tổ chức một nhóm công tác viên thực hành trong hoạt động thông thường của kế toán.

- Thứ năm, có một phần nhất định kiến thức tiềm năng để sinh viên có thể tiếp thu thành tựu mới của khoa học kế toán, phương pháp kế toán.

Những vấn đề mang tính nguyên tắc trên sẽ được phản ánh bằng các yếu tố cụ thể trong khuôn khổ đề tài này.

PHẦN II

NGHIÊN CỨU XÂY DỰNG NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KẾ TOÁN

I. NỘI DUNG CÁC HỌC PHẦN CƠ SỞ NGÀNH

TT	Tên môn học	Số ĐVHT
1	Triết học Mác - Lê nin	4
2	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin	6
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	3
4	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	3
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3
6	Pháp luật đại cương	3
7	Pháp luật kinh tế	3
8	Kinh tế vi mô	4
9	Quản trị học	3
10	Tài chính tiền tệ	4
11	Marketing cơ bản	3
	CỘNG	39

II. NỘI DUNG CÁC HỌC PHẦN KẾ TOÁN BỔ TRỢ

STT	Tên học phần	Số đơn vị học trình	Trong đó		Kỳ thực hiện
			Lý thuyết	Thực hành	
1	Kế toán hành chính sự nghiệp	06	62	28	4
2	Kế toán ngân sách và tài chính xã	04	40	20	4
3	Kế toán máy	05	45	30	5
4	Thuế	04	46	14	4
5	Thị trường chứng khoán	03	32	13	5
6	Quản trị tài chính doanh nghiệp	04	45	15	5

III. NỘI DUNG CÁC HỌC PHẦN CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN

TT	Tên các học phần	Số ĐVHT	Trong đó		Kỳ thực hiện
			LT	TH	
1	Nguyên lý kế toán	5	3	2	2
2	KTDN I	7	5	2	3
3	KTDN II	7	5	2	4
4	Kế toán quản trị chi phí	4	2,5	1,5	5
5	Kế toán Thương mại- dịch vụ	4	2,5	1,5	4
6	Phân tích hoạt động kinh tế DN	4	3	1	5
7	Kiểm toán	4	3	1	5

IV. NỘI DUNG CÁC HỌC PHẦN THỐNG KÊ BỔ TRỢ

TT	Tên các học phần	Số ĐVHT	Trong đó		Kỳ thực hiện
			LT	TH	
1	Nguyên lý Thống kê	3	2	1	3
2	Thống kê xã hội	4	2,5	1,5	3
3	Thống kê doanh nghiệp	4	2,5	1,5	4

V. NỘI DUNG CÁC HỌC PHẦN LIÊN QUAN KHÁC NHẪM HOÀN THIỆN QUI TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KẾ TOÁN

TT	Tên các học phần	Số ĐVHT	Trong đó		Kỳ thực hiện
			Lý thuyết	Thực hành	
1	Toán cao cấp	4	3	1	I
2	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	4	3	1	III
3	Tiếng Anh	10	7	3	I, II, III
4	Soạn thảo văn bản	3	2	1	V
5	Tin học đại cương	4	3	1	II
6	Tin học văn phòng	4	2	2	III
7	Giáo dục thể chất	3	Theo QĐ Bộ GD&ĐT		II
8	Giáo dục quốc phòng	135 tiết	Theo QĐ Bộ GD&ĐT		II

VI. XÂY DỰNG NỘI DUNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HÀNH KẾ TOÁN TRONG QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO BẬC CAO ĐẲNG

6.1. Nội dung thực hành kế toán

I. Phần Nguyên lý Kế toán

II. Phần Kế toán tài chính doanh nghiệp I và II.

1. Kế toán TSCĐ
2. Kế toán vật tư, hàng hoá
3. Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương
4. Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm
5. Kế toán bán hàng, xác định kết quả và phân phối kết quả
6. Kế toán vốn bằng tiền
7. Kế toán các nghiệp vụ thanh toán
8. Báo cáo tài chính
9. Nguồn vốn chủ sở hữu.

6.2. Kế hoạch và tổ chức thực hành kế toán

6.2.1. Thực hành thường xuyên

6.2.2. Thực tập Tốt nghiệp

PHẦN III

TÓM TẮT KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

Đào tạo kế toán viên trình độ cao đẳng có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, có sức khoẻ tốt, nắm vững kiến thức cơ bản, cơ sở, có kỹ năng thực hành nghiệp vụ kế toán, đủ khả năng giải quyết những vấn đề thông thường về chuyên môn kế toán và tổ chức công tác kế toán ở đơn vị, đồng thời có khả năng học tập nghiên cứu để nâng cao trình độ nhằm đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp trong điều kiện của nền kinh tế thị trường. Sinh viên tốt nghiệp đủ điều kiện làm việc tại bộ phận kế toán doanh nghiệp sản xuất vật chất, dịch vụ, các cơ quan hành chính

2. THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 3 năm (36 tháng)

3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 148 ĐVHT (chưa kể giáo dục thể chất 3 ĐVHT, giáo dục quốc phòng: 135 tiết)

3.1. Kiến thức giáo dục đại cương	47 ĐVHT
3.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	101 ĐVHT
<i>Trong đó</i>	
- Kiến thức cơ sở của khối ngành và của ngành	22 ĐVHT
- Kiến thức ngành (<i>bao gồm cả chuyên ngành</i>)	45 ĐVHT
- Kiến thức bổ trợ	21 ĐVHT
- Thực tập nghề nghiệp và thi tốt nghiệp	13 ĐVHT

4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH: Tốt nghiệp PTTH hoặc tương đương

5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

Theo quy chế đào tạo đại học và Cao đẳng hệ chính quy, Ban hành kèm theo Quyết định số 25/2006/QĐ - BGD & ĐT ngày 26 tháng 6 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

6. THANG ĐIỂM: 10/10 cho tất cả các học phần

7. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

7.1. Kiến thức giáo dục đại cương: 47 ĐVHT (Chưa kể GDTC và GDQP)

TT	Tên các học phần	Số ĐVHT	Trong đó	
			Lý thuyết	Thực hành
1	Triết học - Mác Lê nin	4	Theo QĐ của Bộ	
2	Kinh tế chính trị - Mác Lê Nin	6	"	
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	3	"	
4	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	3	"	
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3	"	
6	Toán cao cấp	4	3	1
7	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	4	2,5	1,5
8	Tiếng Anh	10	7	3
9	Tin học đại cương	4	4	1
10	Soạn thảo văn bản	3	2	1
11	Pháp luật đại cương	3	Theo QĐ của Bộ	
12	Giáo dục thể chất	3	"	
13	Giáo dục quốc phòng	135 tiết	"	

7.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 106 ĐVHT

7.2.1. Kiến thức cơ sở của khối ngành và ngành: 22 ĐVHT

TT	Tên các học phần	Số ĐVHT	Trong đó	
			Lý thuyết	Thực hành
1	Kinh tế Vi mô	4	3	1
2	Quản trị học	3	2	1
3	Tài chính tiền tệ	4	3	1
4	Pháp luật kinh tế	3	2	1
6	Nguyên lý thống kê	3	2	1
7	Nguyên lý kế toán	5	3,5	1,5

7.2.2. Kiến thức ngành (bao gồm cả chuyên ngành): 45 ĐVHT

TT	Tên các học phần	Số ĐVHT	Trong đó	
			Lý thuyết	Thực hành
1	Kế toán tài chính doanh nghiệp I	7	5	2
2	Kế toán tài chính doanh nghiệp II	7	5	2
3	Kế toán quản trị chi phí	4	2,5	1,5
4	Kế toán đơn vị HCSN	6	4	2
5	Kế toán thương mại và dịch vụ	4	2,5	1,5
6	Thuế	4	3	1
7	Tin học kế toán	5	3	2
8	Phân tích hoạt động kinh tế DN	4	3	1
9	Kiểm toán	4	3	1

7.2.3. Kiến thức bổ trợ: 21 ĐVHT

TT	Tên các học phần	Số ĐVHT	Trong đó	
			Lý thuyết	Thực hành
1	Quản trị tài chính doanh nghiệp	4	3	1
2	Thống kê doanh nghiệp	4	2,5	1,5
3	Thống kê xã hội	4	2,5	1,5
4	Tin học văn phòng	3	1,5	1,5
5	Thị trường chứng khoán	3	2	1
6	Marketing căn bản	3	2	1

7.2.4. Thực tập nghề nghiệp và thi tốt nghiệp: 13 ĐVHT

1. Thực hành thường xuyên

Tại phòng tư liệu thực hành của trường. Mô hình phòng tư liệu thực hành được xây dựng như một phòng kế toán tài vụ của một doanh nghiệp vừa và nhỏ.

- Bắt đầu từ học kỳ 3, mỗi tuần, học sinh được thực tập tại phòng thực hành 01 buổi.

Mục tiêu đạt được:

- Sổ kế toán tổng hợp và các chứng từ liên quan.
- Báo cáo tổng hợp về nhận thức đối với công tác hạch toán kế toán

2. Thực tập Tốt nghiệp

Học sinh được thực tập tốt nghiệp tại các doanh nghiệp, cơ quan Hành chính sự nghiệp trong thời gian 6 tuần.

Yêu cầu, mục tiêu:

- Sinh viên phải phải đạt được mục tiêu nâng cao được nhận thức và khả năng vận dụng các kiến thức đã học ở trường để hoàn chỉnh kỹ năng thực hành, nâng cao một bước cơ bản về kỹ năng thực hành hạch toán kế toán.

- Kết quả: Báo cáo thực tập tốt nghiệp có xác nhận của đơn vị thực tập và giáo viên hướng dẫn.

3. Thi tốt nghiệp

- Nội dung thi tốt nghiệp gồm 3 môn:
 - + Chọn một trong các môn Chủ nghĩa Mác Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh
 - + Nguyên lý kế toán
 - + Kế toán doanh nghiệp.

8. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

Học kỳ I học các học phần:

- | | |
|--------------------------------|--------|
| 1. Triết học Mác Lênin | 4 ĐVHT |
| 2. Kinh tế chính trị Mác Lênin | 6 ĐVHT |
| 3. Toán cao cấp | 4 ĐVHT |
| 4. Pháp luật đại cương | 3 ĐVHT |

- | | |
|------------------------|----------|
| 5. Tiếng Anh | 3 ĐVHT |
| 6. Giáo dục quốc phòng | 130 tiết |

Học kỳ II học các học phần:

- | | |
|------------------------------|--------|
| 1. Chủ nghĩa xã hội khoa học | 3 ĐVHT |
| 2. Lịch sử Đảng CSVN | 3 ĐVHT |
| 3. Tiếng Anh | 3 ĐVHT |
| 4. Tin học đại cương | 4 ĐVHT |
| 5. Giáo dục thể chất | 3 ĐVHT |
| 6. Kinh tế vi mô | 4 ĐVHT |
| 7. Nguyên lý Kế toán | 5 ĐVHT |

Học kỳ III học các học phần:

- | | |
|--|--------|
| 1. Quản trị học | 3 ĐVHT |
| 2. Tài chính tiền tệ | 4 ĐVHT |
| 3. Tiếng Anh | 4 ĐVHT |
| 4. Pháp luật kinh tế | 3 ĐVHT |
| 5. Lý thuyết xác suất và thống kê toán | 4 ĐVHT |
| 6. Quản trị tài chính doanh nghiệp | 4 ĐVHT |
| 7. Thuế | 3 ĐVHT |
| 8. Tin học văn phòng | 3 ĐVHT |

Học kỳ IV học các học phần:

- | | |
|-------------------------------|--------|
| 1. Kế toán HCSN | 6 ĐVHT |
| 2. Kế toán doanh nghiệp I | 7 ĐVHT |
| 3. Kế toán thương mại dịch vụ | 4 ĐVHT |
| 4. Kế toán quản trị chi phí | 4 ĐVHT |
| 5. Tin học kế toán | 5 ĐVHT |

Học kỳ V: Học các học phần:

- | | |
|----------------------------|--------|
| 1. Kế toán doanh nghiệp II | 7 ĐVHT |
|----------------------------|--------|

2. Nguyên lý thống kê	4 ĐVHT
3. Kiểm toán	4 ĐVHT
4. Marketing căn bản	3 ĐVHT
5. Phân tích hoạt động kinh tế	4 ĐVHT
6. Soạn thảo văn bản	3 ĐVHT

Học kỳ VI: Học các học phần:

1. Thống kê doanh nghiệp	4 ĐVHT
2. Thống kê kinh tế xã hội	4 ĐVHT
3. Thị trường chứng khoán	3 ĐVHT
4. Thực tập nghề nghiệp	5 ĐVHT
5. Thi tốt nghiệp	8 ĐVHT